

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Huy Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trí và bà Nguyễn Thị Ly.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 646/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2023/QĐST-DS, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thành A, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thành A trình bày: ông A và bà H chung sống với nhau vào năm 1998 tại xã N, huyện C, tỉnh An Giang, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2011, ông và bà H xảy ra mâu thuẫn không sống chung cho đến nay. Do tình cảm không còn nên ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Thúy H; không yêu cầu giải quyết về con chung Lê Thị Yến N, sinh năm 1999, Lê Thành K, sinh năm 2004 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của ngày 17/10/2023; Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Thúy H, Lê Thành A, giấy xác nhận

trích lục đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn Mỹ ngày 02/8/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên ông A, bà H xóa bỏ những bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà H; bà H được triệu tập nhưng đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm với ông A. Vì vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại bản thông tin xác nhận nơi cư trú ông Lê Thành A cung cấp xác nhận thông tin bà Nguyễn Thị Thúy H vẫn còn đăng ký cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Lê Thành A có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H, bà H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông Lê Thành A có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Thúy H về yêu cầu ly hôn do không đăng ký kết hôn. Bà Hằng có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Ông Lê Thành A yêu cầu ly hôn với bà Hằng do vợ chồng không còn tình cảm và không đăng ký kết hôn. Bên cạnh đó, tại giấy xác nhận trích lục đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 02 tháng 8 năm 2023 được cung cấp thông tin: “Kết quả tra cứu sổ đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Lê Thành A, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1984”.

Như vậy, Tòa án xác định quá trình vợ chồng chung sống, ông A và bà H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ vợ chồng không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông A, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà H.

[3] Ông An không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con Lê Thị Yến N, sinh năm 1999, Lê Thành K, sinh năm 2004 do con đã thành niên và có khả năng lao động; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông A phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành A đối với bà Nguyễn Thị Thúy H.

Không công nhận ông Lê Thành A và bà Nguyễn Thị Thúy H là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Thành A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0014103 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thúy H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Ông Lê Thành A, bà Nguyễn Thị Thúy H, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

